TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2019/HC-PT Ngày: 22 – 01 - 2019 V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực lao động-thương binh và xã hội về đình chỉ chế độ ưu đãi và thu hồi quyền lợi hưởng sai của người được hưởng chính sách như thương binh".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 171/2018/TLPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2018; về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội, về đình chỉ chế độ ưu đãi và thu hồi quyền lợi hưởng sai của người được hưởng chính sách như thương binh".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 844/2018/QĐ - PT ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lưu Văn B, sinh năm 1956

Địa chỉ cư trú: 412, tổ 26, ấp Tr, xã L, huyện Tr, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Lưu Văn B: Ông Hứa Hoàng Ch, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: 16D T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 05/8/2017).

- *Người bị kiện:*

1/ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang

Địa chỉ trụ sở: 97 Tr1, phường M1, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thành D; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang: Ông Bùi Công B; Chức vụ: Phó Giám đốc (theo giấy ủy quyền số 46/GUQ-SLĐTBXH ngày 08/01/2019, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Sở Lao động – Thươngbinh và Xã hội tỉnh An Giang: Ông Phan Ngọc Kh và ông Đặng Văn K (có mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tr, tỉnh An Giang

*Người đại diện theo pháp luật:*Ông Phan Văn S; Chức vụ: Chủ tịch (có công văn xin vắng mặt).

-*Người kháng cáo:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2017 và các văn bản làm việc người khởi kiện ông Lưu Văn B trình bày:

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy:

- Quyết định số 274/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 của Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh An Giang (gọi tắt là Sở) về việc đình chỉ chế độ và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai đối với người hưởng chính sách như thương binh (sau đây gọi tắt là Quyết định số 274).

Nội dung Quyết định số 274: Đình chỉ trợ cấp ưu đãi và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai đối với ông Lưu Văn B, sinh năm 1956; Nguyên quán: B, Tr, An Giang; Nơi cư trú ấp Tr, xã L, huyện Tr, tỉnh An Giang; Đang hưởng trợ cấp chính sách như thương binh; Số hồ sơ: AG/TB 4869 - Số sổ: AG/CK 120319 - Tỷ lệ thương tật 21%; Mức trợ cấp khi tạm đình chỉ: 822.000 đồng/tháng; Lý do: Hồ sơ thương tật của ông Lưu Văn B không đúng sự thật, không hợp lệ và không đủ điều kiện hưởng chính sách như thương binh theo quy định.

- Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tr về việc thu hồi giấy chứng nhận bị thương của ông Lưu Văn B (gọi tắt là Quyết định số 4995).

Nội dung: Thu hồi giấy chứng nhận bị thương của ông Lưu Văn B, sinh năm 1956; Cư ngụ: ấp Tr, xã L, huyện Tr, An Giang; Giấy chứng nhận bị thương số 34 do UBND huyện Tr cấp ngày 23/6/1997.

Ông yêu cầu hủy hai quyết định này với lý do ông đã tham gia lực lượng du kích xã B trực tiếp chiến đấu, bị thương thực tế và có đủ chứng cứ chứng minh nhưng bị tố cáo oan sai. Ông trình bày vào năm 1976 trước tình hình chiến tranh biên giới Tây Nam do bọn Pôn Pốt xâm lược, ông đã tham gia vào lực lượng Công an xã B để góp phần bảo vệ quê hương. Đến tháng 8/1977, ông được cử đi học lớp cứu thương và chuyển đến Ban chỉ huy quân sự xã B để phục vụ chiến đấu. Ngày, tháng, năm bị thương ông không nhớ rõ, chỉ nhớ vào tháng 4, tháng 5 năm 1978 ông tham gia chiến đấu bị thương nên được chuyển đến điều trị tại Quân y tỉnh An Giang từ ngày 31/5 đến 14/7/1978 mới xuất viện trở về tiếp tục chiến đấu, công tác liên tục. Thực hiện chính sách người tham gia chiến đấu bị thương trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nên ông kê khai được xét công nhận hưởng trợ cấp như thương binh liên tục từ ngày 01/01/1995 với tỷ lệ thương tật 21%.

Quyết định số 274 và Quyết định số 4995 đình chỉ chế độ và thu hồi quyền lợi, thu hồi giấy chứng nhận thương binh của ông không phù hợp quy định pháp luật nên ông yêu cầu hủy hai quyết định nêu trên.

Tại Công văn số 1166/SLĐTBXH-TT ngày 22/6/2017 Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang có ý kiến như sau:

Thực hiện công tác thanh tra liên ngành đến lĩnh vực chuyên ngành (lĩnh vực người có công), Giám đốc Sở Lao động thương binh và xã hội đã ban hành Quyết định số 1945/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/9/2016 về việc thanh tra hồ sơ của người hưởng chính sách như thương binh của ông Lưu Văn B. Cụ thể: Ông Lưu Văn B, sinh năm 1956, cư ngụ tại ấp Tr, xã L, huyện Tr, tỉnh An Giang là người hưởng chính sách như thương binh kể từ ngày 01/01/1995, với tỷ lệ thương tật là 21%, sổ sổ AG-CK/120319. Hồ sơ hai người cam kết xác nhận là ông Võ Văn T (sinh năm 1951, nguyên là Chánh trị viên xã đội B) và ông Lưu Văn L (sinh năm 1954, nguyên là Xã đội trưởng xã B). Trong hồ sơ ông B khai bị thương khi đang chiến đấu với Pôn Pốt ở cầu O thuộc ấp A (nay là ấp A1), xã B, huyện Tr, tỉnh An Giang.

Tuy nhiên, kết quả xác minh gặp trực tiếp ông Lưu Văn L là một trong hai người ký cam kết xác nhận chính trong hồ sơ thương binh của ông Lưu Văn B đã xác định ông B có tham gia du kích xã B được 02 năm (năm 1976, năm 1977) nhưng sau đó nghỉ việc và từ đó về sau ông không biết ông B làm gì, ở đâu và khẳng định ông không biết trường hợp bị thương của ông B trong chiến tranh biên giới Tây Nam. Tờ cam kết xác nhận trường hợp bị thương cho ông B vào ngày 11/6/1997 do ông ký, nhưng ông không có đọc lại nội dung (Biên bản xác minh của Thanh tra vào ngày 07/4/2011). Riêng ông Võ Văn T giữ nguyên cam kết (lúc này ông L và ông Tông còn sống). Tuy nhiên, nhiều nhân chứng trực tiếp chiến đấu với Pôn Pốt tại trận cầu O như ông Huỳnh Văn V, Vi Văn N, Trần Văn T, Phạm Văn Ch, Lê Văn Đ… đều xác minh thời gian xảy ra trận chiến này là ngày mùng 09/3/1978 (nhằm ngày 15/4/1978 dương lịch), trước sự kiện giặc Pôn Pốt tràn qua tàn sát nhân dân tại chùa Ph, T ở xã B (ngày 14/3/1978 âm lịch) nên ông B khai bị thương vào ngày 30/5/1978 là không hợp lý. Đa số các nhân chứng còn khẳng định trong trận đánh tại cầu O có 03 chiến sĩ chết và bị thương, gồm ông B1

(bị thương nặng và chết), ông Vi Văn N và ông Trần Văn T (bị thương nhẹ); ông Lưu Văn B không có tham gia trận đánh, vì vậy không bị thương trong trận đánh này. Riêng bà Huỳnh Thị Ngọc A (vợ trước đây của ông B) xác nhận ông B bị thương ở mông là do heo rừng rượt cắn từ phía sau khi đi làm rẫy.

Đồng thời, khi xác minh về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ cho thấy trình tự lập hồ sơ như thương binh của ông Lưu Văn B không đúng quy định. Qua kết quả cho thấy, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và có đoàn thể xã L (Hội đồng xét duyệt chính sách của xã) không tổ chức họp xét trường hợp bị thương của ông Lưu Văn B theo quy định, lập khống biên bản đề nghị xác nhận thương binh của ông Lưu Văn B, sau đó đưa cho các thành viên trong Hội đồng và những người có liên quan ký xác nhận.

Kết quả trên cho thấy hồ sơ thương binh của ông Lưu Văn B sai quy định với lý do: trình tự, thủ tục thiết lập không đúng theo quy định tại Thông tư số 22/TT- BLĐTXH ngày 29/8/1995 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn về thủ tục lập và quản lý hồ sơ người có công với cách mạng và người cam kết không biết về trường hợp bị thương, không cùng chiến đấu chung.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn Thanh tra và quy định tại Điều 43 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 (Thông tư số 05) của Bộ Lao động thương binh và xã hội, Giám đốc Sở Lao động thương binh và xã hội đã ban hành Kết luận Thanh tra số 231/KL-SLĐTBXH ngày 09/02/2017 (Kết luận Thanh tra số 231) về việc thanh tra hồ sơ người hưởng chính sách như thương binh của ông Lưu Văn B. Nội dung kết luận hồ sơ như thương binh của ông B không đúng quy định. Biện pháp xử lý kèm theo là giữ nguyên Quyết định 247/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 về việc đình chỉ chế độ trợ cấp chính sách như thương binh của ông Lưu Văn B (Quyết định ban hành sau khi có Quyết định 2523/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Tr về việc thu hồi giấy chứng nhận bị thương cấp cho ông Lưu Văn B. Nhưng sau đó Ủy ban nhân dân huyện Tr rút Quyết định trên với lý do việc ban hành quyết định chưa đảm bảo theo thủ tục hành chính. Qua xem xét nhận thấy hồ sơ của ông B có dấu hiệu sai phạm, Giám đốc Sở quyết định thanh tra hồ sơ và tiến hành xử lý theo quy định như báo cáo nêu trên).

Qua quá trình thanh tra lĩnh vực ngành, kết quả xác minh rõ ràng có đủ cơ sở kết luận hồ sơ như thương binh của ông Lưu Văn B sai quy định, gian dối trong quá trình thiết lập. Do đó, việc Sở Lao động thương binh và xã hội ban hành Quyết định số 274/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 của Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh An Giang về việc đình chỉ chế độ và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai đối với người hưởng chính sách như thương binh đối với ông Lưu Văn B là đúng theo quy định hiện hành.

Tại Công văn số 1381/SLĐTBXH-TT ngày 18/7/2017 của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh An Giang về việc cung cấp chứng cứ vụ khiếu kiện của ông B, Sở có ý kiến:

Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 274: Ngày 08/10/2013, Sở đã nhận được Công văn số 787/UBND-VX của UBND huyện Tr về việc chuyển hồ sơ tố cáo của ông Lưu Văn B về việc làm hồ sơ giả để hưởng chế độ như thương binh. Trên cơ sở xem xét hồ sơ giải quyết của Thanh tra huyện Tr và xác minh bổ sung của Thanh tra Sở cho thấy hồ sơ hưởng chính sách như thương binh của ông B đã có dấu hiệu sai phạm, Sở đã ban hành Quyết định số 41/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/4/2014 về việc tạm đình chỉ việc thực hiện chế độ ưu đãi đối với người được hưởng chính sách như thương binh của ông Lưu Văn B chờ xác minh làm rõ.

Ngày 27/01/2015, Thanh tra Sở có Báo cáo kết quả xác minh hồ sơ thương binh của ông Lưu Văn B (Báo cáo số 29/BC-Ttra ngày 27/01/2015) cho thấy ông Lưu Văn B hưởng chế độ ưu đãi như thương binh là không đúng quy định, có sự gian dối trong quá trình lập hồ sơ (ngày, tháng năm bị thương không phù hợp với điều kiện lịch sử), trường hợp bị thương không phải do trực tiếp chiến đấu và đề nghị UBND huyện Tr xem xét thu hồi Giấy chứng nhận bị thương của ông Lưu Văn B (Công văn 120/SLĐTBXH-Ttra ngày 27/01/2015). Ngày 11/5/2015, UBND huyện Tr ban hành Quyết định 2523/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận bị thương của ông Lưu Văn B và sau đó Sở đã ban hành Quyết định số 274 về việc đình chỉ chế độ ưu đãi và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai đối với người được hưởng chính sách như thương binh đối với ông B.

Về căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục thanh tra hồ sơ thương binh của ông B: Việc Sở ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 thanh tra hồ sơ thương binh của ông B trên cơ sở đã phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của ông B trong quá trình lập hồ sơ thương binh để hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và ông B có đơn đề nghị Sở phục hồi chế độ thương binh sau khi UBND huyện Tr thu hồi và bãi bỏ quyết định thu hồi giấy chứng nhận bị thương do không đảm bảo trình tự, thủ tục trong quá trình giải quyết. Mặt khác, nhận thấy đây là vụ việc có tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và có nhiều cá nhân khác nhau, nên Giám đốc Sở quyết định thành lập Đoàn thanh tra để làm rõ sự việc trên. Các văn bản làm căn cứ ban hành Quyết định thanh tra gồm: Khoản 4 Điều 37; khoản 3, khoản 4 Điều 38 của Luật Thanh tra năm 2010; khoản 3 Điều 15 Nghị định 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành; khoản 4 Điều 34 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005; Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh An Giang…

Việc thanh tra hồ sơ của ông B được tiến hành theo hình thức thanh tra đột xuất (do không nằm trong Kế hoạch Thanh tra năm 2016 của Sở). Trình tự, thủ tục thanh tra hồ sơ thương binh của ông B theo hoạt động thanh tra chuyên ngành, được quy định tại Mục 3 Chương IV của Luật Thanh tra năm 2010, chương II của Nghị định 07 của Chính phủ và được tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. (Ban hành và công bố quyết định thanh tra; tiến hành thanh tra, thu thập chứng cứ có liên quan; báo cáo kết quả thanh tra; kết luận thanh tra).

Về Kết luận thanh tra của Giám đốc Sở: Theo khoản 1 Điều 27 Nghị định 07 của Chính phủ quy định như sau: "Căn cứ báo cáo kết quả thanh tra, nội dung giải trình của đối tượng thanh tra (nếu có), chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra phải ra văn bản kết luận thanh tra…". Do đó, Giám đốc Sở là người ban hành quyết định thanh tra và ký Kết luận thanh tra.

Trong Kết luận thanh tra ở phần kiến nghị có nội dung giữ nguyên Quyết định 274, đây là kiến nghị của Kết luận thanh tra, làm cơ sở để Sở tiếp tục xử lý trường hợp sai phạm và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai của ông B. Đồng thời, Sở còn tiếp tục đề nghị UBND huyện thu hồi giấy chứng nhận bị thương đã cấp cho ông B theo quy định pháp luật (do trước đó UBND huyện Tr thu hồi và bãi bỏ Quyết định 2523/QĐ-UBND ngày 11/5/2015). Sau khi ban hành Kết luận thanh tra, Sở không ban hành quyết định nào khác.

Mặt dù Quyết định 2523/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 của UBND huyện Tr đã bị thu hồi nhưng Quyết định 274 vẫn còn phù hợp. Vì Sở có đủ cơ sở pháp lý chứng minh hồ sơ của thương binh của ông B sai quy định và Quyết định 274 căn cứ vào Điều 43 của Thông tư 05 quy định "Trường hợp kết luận đối tượng khai man, giả mạo hồ sơ thì Sở Lao động thương binh và xã hội ra quyết định đình chỉ chế độ, thu hồi quyền lợi đã hưởng sai, đề nghị cơ quan, đơn vị xác lập hồ sơ người có công thu hồi giấy tờ đã cấp và chuyển các cơ quan có liên quan để xử lý theo quy định pháp luật hiện hành", để xử lý đối với hồ sơ thương binh của ông B.

Về quá trình lập hồ sơ thương binh của ông B và căn cứ ban hành Quyết định 274: Ông Lưu Văn B hưởng chính sách như thương binh hồ sơ của ông lập vào năm 1997 theo quy định tại Điểm 5, Mục II, Phần A của Thông tư số 22-BLĐTBXH-TT ngày 29/8/1995 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn về thủ tục lập và quản lý hồ sơ người có công với cách mạng (Thông tư 22).

Hồ sơ thương binh của ông B có các loại giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận bị thương số 34 ngày 23/6/1997 của UBND huyện Tr;

- Biên bản giám định thương tật của Hội đồng giám định y khoa tỉnh An Giang số 37/GĐYK-TT ngày 18/7/1997;

- Quyết định số 483/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/10/1997 của Sở Lao động thương binh và xã hội về việc cấp giấy chứng nhận và trợ cấp ưu đãi thương binh của ông Lưu Văn B. Phiếu lập giấy chứng nhận và trợ cấp thương tật số 483 ngày 31/10/1997 của Sở Lao động thương binh và xã hội.

Do ông B thuộc diện bị thương từ trước ngày 01/01/1995 có vết thương thực thể được xem xét giải quyết theo diện tồn đọng về chính sách sau chiến tranh và thuộc lực lượng khác nên hồ sơ có thêm các giấy tờ theo Điểm 5, Mục II, phần A của Thông tư số 22 gồm:

- Tờ khai của người bị thương (để lập hồ sơ thương binh) của ông Lưu Văn B viết vào ngày 10/6/1997;

- Giấy ra viện ngày 14/7/1978 của Quân y tỉnh An Giang;

- Tờ cam kết của ông Võ Văn T ngày 10/6/1997;

- Tờ cam kết của ông Lưu Văn L ngày 11/6/1997;

- Biên bản đề nghị xác định thương binh của Đảng ủy, UBND và các đoàn thể xã L ngày 13/6/1997.

Như vậy, về mặt hồ sơ giấy tờ thì hồ sơ thương binh của ông B đã thể hiện đầy đủ và đúng theo biểu mẫu do Sở Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn và đáp ứng các quy định tại Điểm 5, Mục II, phần A của Thông tư số 22. Tuy nhiên, về trình tự, thủ tục thiết lập thì sai quy định, không hợp lệ ở các điểm sau:

- Biên bản đề nghị xác nhận thương binh của Đảng ủy, UBND và các đoàn thể xã L ngày 13/6/1997 trong hồ sơ thương binh của ông B đã được lập khống, không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điểm 5, Mục II, phần A của Thông tư số 22 "Biên bản xem xét và đề nghị của Hội đồng xác nhận cấp xã, phường nơi đương sự cư trú hoặc Hội đồng xác nhận của cơ quan nơi đương sự đang công tác". Thực tế Đảng ủy, UBND và các đoàn thể xã L (Hội đồng xét duyệt chính sách của xã) không tổ chức họp để xét duyệt trường hợp bị thương của ông B theo quy định nêu trên. Biên bản do một cá nhân nào đó lập khống rồi sau đó đưa cho các thành viên trong Hội đồng xét duyêt xã L ký xác nhận.

- Ông Lưu Văn L là một trong hai người ký cam kết xác nhận chính trong hồ sơ thương binh của ông B đã xác định ông B có tham gia du kích xã B được 02 năm (năm 1976, 1977), nhưng sau đó nghỉ việc và từ đó về sau ông không biết ông B làm gì ở đâu và khẳng định ông không biết trường hợp bị thương của ông B trong Chiến tranh biên giới Tây Nam. Ông L nhìn nhận Tờ cam kết xác nhận trường hợp bị thương cho ông B vào ngày 11/6/1997 là do ông ký, nhưng không có đọc lại nội dung trước khi ký (Biên bản xác minh của Thanh tra huyện Tr vào ngày 07/4/2011). Như vậy, việc cam kết xác nhận của ông Lưu Văn L cho ông B là không đúng theo quy định tại Điểm 5, Mục II, phần A của Thông tư số 22: "Giấy chứng nhận của hai người cùng chiến đấu, cùng làm nhiệm vụ hoặc chứng nhận của Thủ trưởng đơn vị trực tiếp và được UBND xã phường hoặc Phòng Lao động thương binh xã hội, cơ quan đang quản lý căn cứ vào lý lịch, hồ sơ của người chứng nhận để xác nhận (không chỉ xác nhận chữ ký của người chứng nhận)."

Ngoài ra, việc ông B khai bị thương vào ngày 30/5/1978 trong trận đánh với Pôn Pốt tại cầu O, kèm Giấy ra viện ngày 14/7/1978 của Quân y viện tỉnh An Giang để chứng minh mình bị thương (ngày vào viện 31/5/1978 và ngày ra viện ngày 14/7/1978), nhưng kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy việc khai bị thương của ông B là không có cơ sở và không phù hợp với thực tế. Nhiều nhân chứng đã trực tiếp chiến đấu với Pôn Pốt tại trận cầu O như ông Huỳnh Văn V, ông Vi Văn N, ông Trần Văn T, Phạm Văn Ch, Lê Văn Đ…và bà Huỳnh Thị Ngọc A (vợ ông B trong thời gian này) đều xác định thời gian xảy ra trận chiến cầu O là vào ngày mùng 09/3/1978 âm lịch (nhằm ngày 15/4/1978 dương lịch), trước sự kiện giặc Pôn Pốt tràn qua tàn sát nhân dân tại chùa Ph, T ở xã B (ngày 14/3/1978 âm lịch).

Nên ông B khai bị thương vào ngày 30/5/1978 là không hợp lý. Mặt khác, đa số các nhân chứng đều khẳng định trong trận đánh tại cầu O vào ngày 09/3/1978 chỉ có 03 chiến sĩ chết hoặc bị thương (ông B1-bị thương nặng và chết; ông Vi Văn N và ông Trần Văn T-bị thương nhẹ) và khẳng định ông B không tham gia và bị thương trong trận đánh này.

Từ các quan điểm trên cho thấy hồ sơ như thương binh của ông B đã lập sai theo quy định tại Điểm 5, Mục II, phần A của Thông tư số 22 về trình tự, thủ tục lập hồ sơ và người cam kết không biết trường hợp bị thương, không cùng chiến đấu. Do đó, căn cứ vào Điều 43 của Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH, Công văn số 616/TTr-KNTC ngày 22/8/2016 của Thanh tra Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh An Giang đình chỉ chế độ ưu đãi và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai của ông B (giữ nguyên Quyết định số 274). Đồng thời tiếp tục kiến nghị UBND huyện Tr thu hồi giấy chứng nhận bị thương đã cấp cho ông B.

Từ đó, việc Sở ban hành Quyết định số 274/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 về đình chỉ chế độ ưu đãi và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai của ông Lưu Văn B đúng theo quy định, có đầy đủ chứng cứ và cơ sở pháp lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tr đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi ý kiến bằng văn bản, không cung cấp hồ sơ cho Tòa án và có văn bản xin vắng mặt các thủ tục tố tụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 43 Thông tư 05/2013 của Bộ Lao động Thuong binh và xã hội;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn B.

Hủy Quyết định số 274/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang,về việc đình chỉ chế độ và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai đối với người hưởng chính sách như thương binh.

Hủy Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tr về việc thu hồi giấy chứng nhận bị thương của ông Lưu Văn B.

Buộc Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh An Giang phải khôi phục toàn bộ các quyền lợi được hưởng của ông B từ lúc ngưng thực hiện (ngày 01/5/2014).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 3 năm 2017, Sở Lao động- Thương Binh và Xã hội tỉnh An Giang nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hứa Hoàng Ch là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Bùi Công B là người đại diện hợp pháp của người bị kiện là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Tr vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang phát biểu ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm cho rằng Quyết định số 274/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang và Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tr là trái pháp luật và tuyên huỷ hai quyết định nêu trên, nhưng không chỉ ra được các quyết định này vi phạm các quy định nào của pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ các quy định của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 274/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang và Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tr không đúng quy định tại Điều 43 của Thông tư liên tịch số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, huỷ hai quyết định nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang phải khôi phục lại toàn bộ quyền lợi của ông B kể từ ngày 01/5/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là không chính xác, vượt quá thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang, nhận thấy:

[1] Đối với Quyết định số 274/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 274):

Về trình tự ban hành:

Tại Điều 43 của Thông tư liên tịch số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư 05) quy định: "Khi phát hiện có dấu hiệu khai man, giả mạo thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định tạm đình chỉ chế độ ưu đãi và tiến hành xác minh, kết luận hoặc có văn bản đề nghị cơ quan, đơn vị xác lập hồ sơ người có công xác minh, kết luận.Trường hợp kết luận đối tượng khai man, giả mạo hồ sơ thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định đình chỉ chế độ, thu hồi quyền lợi đã hưởng sai, đề nghị cơ quan, đơn vị xác lập hồ sơ người có công thu hồi giấy tờ đã cấp và chuyển các cơ quan có liên quan để xử lý theo pháp luật hiện hành".

Xét thấy, Quyết định số 274 được ban hành không dựa trên kết luận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang mà căn cứ vào Quyết định 2523/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 của UBND huyện Tr (sau đây gọi tắt là Quyết định 2523) về việc thu hồi giấy chứng nhận bị thương do UBND huyện Tr ban hành là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật vừa viện dẫn ở trên. Đồng thời, trên thực tế vụ án thể hiện Quyết định số 2523 đã bị UBND huyện Tr rút lại trước khi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang ban hành Quyết định 274.

Việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang hợp thức hóa Quyết định 274 bằng việc tiến hành thanh tra hồ sơ hưởng chính sách như thương binh của ông B và ban hành Kết luận thanh tra số 231 ngày 09/2/2017 là không đúng trình tự, thủ tục. Bởi vì, Kết luận Thanh tra 231 chỉ là kết luận của người ra Quyết định thanh tra theo Luật Thanh tra năm 2010, không phải là Quyết định hành chính được ban hành theo thẩm quyền về quản lý nhà nước về lĩnh vực người có công nên không có giá trị để hợp pháp hóa tính hợp pháp của Quyết định số 274 được ban hành trước đó vào năm 2015.

Về nội dung:

Hồ sơ chính sách như thương binh của ông B được lập từ năm 1997 đảm bảo đúng các thủ tục và đã được thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ông B được hưởng chính sách. Sở tiến hành thanh tra hồ sơ của ông B, quá trình xác minh thì một người ký xác nhận trong số 02 người ký xác nhận cho ông B rút lại lời ký xác nhận; giấy ra viện được lập sau năm 1978; Hội đồng xét duyệt chính sách xã đã không tiến hành họp xác nhận trường hợp của ông B mà vẫn có biên bản xác nhận của Hội đồng và lời khai của một số người làm chứng để xác định ông B đã khai man hồ sơ. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, hồ sơ của ông B được xác lập năm 1997 để xác định lại một sự kiện đã xảy ra từ năm 1978 nên việc người yêu cầu tường trình về thời gian diễn ra sự kiện có thể là không chính xác

nhưng thực tế ông B vẫn có những người xác định ông có tham gia vào cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam có bị thương tật, được Hội đồng giám định y khoa giám định tỷ lệ thương tật là 21%, được bác sĩ điều trị xác nhận là có điều trị vết thương, có giấy ra viện. Việc Sở chỉ dựa vào lời khai của ông L rút lại xác nhận, một số người làm chứng xác nhận ông B không có tham gia trận đánh tại cầu O, thủ tục hồ sơ xác lập vào thời điểm đó có vi phạm pháp luật nhưng hồ sơ vẫn được thông qua, giấy ra viện của ông B được người ký xác nhận ký lại sau để khẳng định ông B khai man là không đủ cơ sở. Các thủ tục về hồ sơ nếu có thiếu sót là do trách nhiệm của người thực hiện thủ tục này chứ không phải là trách nhiệm của ông B.

Do đó, Quyết định số 274 không hợp pháp cả về trình tự, thủ tục ban hành lẫn nội dung.

[2] Đối với Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tr (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4995/QĐ-UBND):

Theo Điều 43 của Thông tư 05 thì sau khi có quyết định đình chỉ chế độ, thu hồi quyền lợi đã hưởng sai, thì cơ quan cấp giấy mới ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận như thương binh đã cấp cho ông B, nhưng Chủ tịch UBND huyện Tr lại căn cứ vào Kết luận Thanh tra 231 của Sở để ra quyết định 4995 thu hồi giấy chứng nhận như thương binh của ông B là không có căn cứ. Do đó quyết định số 4995 của Chủ tịch UBND huyện Tr là không đúng trình tự luật định nên không hợp pháp.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy Quyết định 274 và Quyết định 4995 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên, xét thấy phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang phải khôi phục lại toàn bộ quyền lợi của ông B kể từ ngày 01/5/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là không chính xác, vượt quá thẩm quyền của Hội đồng xét xử được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 43 Thông tư 05/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn B.

Hủy Quyết định số 274/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/6/2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang,về việc đình chỉ chế độ và thu hồi quyền lợi đã hưởng sai đối với người hưởng chính sách như thương binh.

Hủy Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tr về việc thu hồi giấy chứng nhận bị thương của ông Lưu Văn B.

Buộc phải Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh An Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2/Về án phí hành chính phúc thẩm: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang không phải chịu. Hoàn trả cho Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005236 ngày 21/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- NKK (1);
-NBK(2);
- Lưu (3) 14b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa